**Bài tập về Danh từ**

Danh từ (DT): DT là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)

Ví dụ:

- DT chỉ hiện tượng: mưa, nắng , sấm, chớp,...

- DT chỉ khái niệm: đạo đức, người, kinh nghiệm, cách mạng,...

- DT chỉ đơn vị: Ông, vị (vị giám đốc), cô (cô Tấm), cái, bức, tấm,... ; mét, lít, ki-lô-gam,... ;nắm, mớ, đàn,...

Khi phân loại DT tiếng Việt, trước hết , người ta phân chia thành 2 loại: DT riêng và DT chung.

- Danh từ riêng: là tên riêng của một sự vật ( tên người, tên địa phương, tên địa danh,..)

- Danh từ chung: là tên của một loại sự vật (dùng để gọi chung cho một loại sự vật).

**DT chung có thể chia thành 2 loại :**

+ DT cụ thể: là DT chỉ sự vật mà ta có thể cảm nhận được bằng các giác quan (sách, vở, gió ,mưa,...).

+ DT trừu tượng: là các DT chỉ sự vật mà ta không cảm nhận được bằng các giác quan ( cách mạng, tinh thần, ý nghĩa,... )

Các DT chỉ hiện tượng, chỉ khái niệm, chỉ đơn vị được giảng dạy trong chương trình SGK lớp 4 chính là các loại nhỏ của DT chung.

**Các bài tập về danh từ**

**Bài 1**: Xác định danh từ trong đoạn văn sau:

*Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thuỷ tinh.*

**Bài 2:** Tìm các danh từ có trong đoạn thơ sau:

a. Quê hương là cánh diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng

Quê hương là con đò nhỏ

Êm đềm khua nước ven sông.

b. Bà đắp thành lập trại

Chống áp bức cường quyền

Nghe lời bà kêu gọi

Cả nước ta vùng lên.

**Bài 3:** Xác định các danh từ trong đoạn văn sau:

"Bản làng đã thức giấc. Đó đây ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm tiếng gọi nhau í ới".

**Bài 4:** Tìm danh từ có trong câu văn sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

**Bài 5:** Xác định từ loại của các từ: "niềm vui, nỗi buồn, cái đẹp, sự đau khổ" và tìm thêm các từ tương tự.

**Bài 6:** Tìm từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động và chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ sau:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi dang.

>> Tham khảo: [Các dạng bài tập về danh từ lớp 4](https://vndoc.com/cac-dang-bai-tap-ve-danh-tu-lop-4/download)

**Bài tập về Động từ**

Động từ (ĐT): ĐT là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

V.D: - Đi, chạy ,nhảy,... (ĐT chỉ hoạt động)

- Vui, buồn, giận, ... (ĐT chỉ trạng thái)

\*Mấy lưu ý về ĐT chỉ trạng thái:

- Đặc điểm ngữ pháp nổi bật nhất của ĐT chỉ trạng thái là: nếu như ĐT chỉ hoạt động, hành động có thể kết hợp với từ xong ở phía sau (ăn xong, đọc xong ,...) thì ĐT chỉ trạng thái không kết hợp với xong ở phía sau (không nói: còn xong, hết xong, kính trọng xong, ...). Trong TV có một số loại ĐT chỉ trạng thái sau:

+ ĐT chỉ trạng thái tồn tại (hoặc trạng thái không tồn tại):còn,hết,có,...

+ ĐT chỉ trạng thái biến hoá: thành, hoá,...

+ ĐT chỉ trạng thái tiếp thụ: được, bị, phải, chịu,...

+ ĐT chỉ trạng thái so sánh: bằng, thua, hơn, là,...

- Một số “nội ĐT” sau đây cũng được coi là ĐT chỉ trạng thái: nằm, ngồi, ngủ, thức, nghỉ ngơi, suy nghĩ, đi ,đứng , lăn, lê, vui, buồn , hồi hộp, băn khoăn, lo lắng,...

**Các bài tập về động từ**

**Bài 1:** Gạch dưới động từ trong mỗi cụm từ sau:

a. trông em         d. quét nhà             h. xem truyện

b. tưới rau         e. học bài              i. gấp quần áo

c. nấu cơm        g. làm bài tập

**Bài 2:** Tìm danh từ, động từ trong các câu văn:

a. Vầng trăng tròn quá, ánh trăng trong xanh toả khắp khu rừng.

b. Gió bắt đầu thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.

c. Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vằng vạc.

**Bài 3**: Xác định từ loại trong các từ của các câu:

a. Nước chảy đá mòn.

b. Dân giàu, nước mạnh.

**Bài 4:** Xác định từ loại:

Nhìn xa trông rộng

Nước chảy bèo trôi

Phận hẩm duyên ôi

Vụng chèo khéo chống

Gạn đục khơi trong

Ăn vóc học hay.

**Bài 5:** Xác định từ loại:

a. Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.

b. Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gật đầu gọi trăng.

**Bài 6**: Tìm danh từ, động từ trong các câu sau:

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.

**Bài 7:** Viết đoạn văn (5 - 7 câu) kể về những việc em làm vào một buổi trong ngày. Gạch dưới các động từ em đã dùng.

**Bài tập về Tính từ**

Tính từ (TT): TT là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của vật, hoạt động, trạng thái,...

\*Có 2 loại TT đáng chú ý là:

- TT chỉ tính chất chung không có mức độ (xanh, tím, sâu, vắng,... )

- TT chỉ tính chất có xác định mức độ (mức độ cao nhất ) (xanh lè, tím ngắt, sâu hoắm, vắng tanh,...)

**Các bài tập về Tính từ**

**Bài 1**: Viết các tính từ sau vào từng cột cho phù hợp: xanh biếc, chắc chắn, tròn xoe, lỏng lẻo, mềm nhũn, xám xịt, vàng hoe, đen kịt, cao lớn, mênh mông, trong suốt, chót vót, tí xíu, kiên cường, thật thà.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ATính từ chỉ màu sắc | BTính từ chỉ hình dáng | CTính từ chỉ tính chất phẩm chất |
|   |   |   |

**Bài 2:** Viết tính từ miêu tả sự vật ghi ở cột trái vào mỗi cột phải:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ chỉ sự vật | Tính từ chỉ màu sắc của sự vật | Tính từ chỉ hình dáng của sự vật |
| Cái bút |   |   |
| Cái mũ |   |   |

**Bài 3:** Gạch dưới những tính từ dùng để chỉ tính chất của sự vật trong đoạn văn:

*"Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Những ô ruộng, những gò đống, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc".*

**Bài 4:** Đánh dấu x vào chỗ trống nêu cách thể hiện mức độ tính chất đặc điểm của mỗi tính từ ở cột trái

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tính từ | Thêm tiếng để tạo ra các TG hoặc TL | Thêm các từ chỉ mức độ (rất, lắm vào trước hoặc sau) | Dùng cách so sánh |
| hơi nhanh |   | x |   |
| vội quá |   |   |   |
| đỏ cờ |   |   |   |
| tím biếc |   |   |   |
| mềm vặt |   |   |   |
| xanh lá cây |   |   |   |
| chầm chậm |   |   |   |
| khá xinh |   |   |   |
| thẳng tắp |   |   |   |

Chọn 1 từ ở cột trái để đặt câu.

**Bài 5**: Tìm tính từ trong khổ thơ sau:

"Việt Nam đẹp khắp trăm miền

Bốn mùa một sắc trời riêng đất này

Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây

Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.

Sum sê xoài biếc, cam vàng

Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi"

**Bài 6:** Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người. Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được.

**Bài 7:**

a. Hãy chỉ ra tính từ (nếu có) trong câu sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

b. Đặt 1 câu trong đó có chủ ngữ là một tính từ.

**Bài 8:** Hãy tìm 2 từ ghép và 2 từ láy nói về những đức tính của người học sinh giỏi.

**Bài 9:**

a. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "chăm chỉ". Đặt câu với từ vừa tìm.

b. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "dũng cảm".

**Bài 10:** Xác định danh từ, động từ, tính từ trong 2 câu thơ của Bác Hồ:

"Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày".

**Bài 11:**

"Lời ru có gió mùa thu

Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời"

Theo em, hình ảnh nào góp phần nhiều nhất làm nên cái hay của đoạn thơ. Vì sao?

**Bài tập ôn tập về Danh từ, Động từ, Tính từ**

**Bài 1:** "Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn".

a. Tìm các tính từ có trong câu văn.

b. Nhận xét về từ loại của các từ "cái béo, mùi thơm".

**Bài 2:** Hãy tách thành các từ loại (DT, ĐT, TT) trong đoạn thơ sau:

Bút chì xanh đỏ

Em gọt hai đầu

Em thử hai màu

Xanh tươi, đỏ thắm

Em vẽ làng xóm

Tre xanh, lúa xanh

Sông máng lượn quanh

Một dòng xanh mát.

**Bài 3:** Tìm DT, ĐT, TT có trong khổ thơ sau:

Em mơ làm gió mát

Xua bao nỗi nhọc nhằn

Bác nông dân cày ruộng

Chú công nhân chuyên cần.

**Bài 4:** Xác định từ loại của các từ sau: niềm vui, vui tươi, vui chơi, yêu thương, đáng yêu, tình yêu, thương yêu, dễ thương.

*Bài tập về danh từ, động từ, tính từ bao gồm Lý thuyết và các dạng bài tập cho các em học sinh tham khảo ôn tập trong thời gian nghỉ ở nhà chống dịch bệnh và ôn tập chuẩn bị cho các bài thi trong năm học.*